

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày: 25/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY – TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; Ông Dương Đình Tài.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Minh Chử – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:*
Ông Phạm Minh Lượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2023/TLST-HS, ngày 27 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Thị T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 23 tháng 12 năm 1982, tại xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: **Thôn Á, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: **Phạm Văn B** (đã chết); con bà: **Phạm Thị H**, sinh năm: 1946; chồng **Bùi Văn L** (đã chết), có 01 con sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/9/2023, tạm giam ngày 19/9/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an huyện C**. Bị cáo có mặt.

2. **Bùi Văn H1**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 7 năm 1996, tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: **Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: **Bùi Văn H2**, sinh năm 1971; con bà: **Trương Thị P**, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/9/2023, tạm giam ngày 19/9/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an huyện C**. Bị cáo có mặt.

Người chứng kiến:

- Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991; vắng mặt;
- Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984; vắng mặt;
- Phạm Trường G, sinh năm 1992; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/09/2023, Bùi Văn H1 chở Phạm Thị T bằng xe máy BKS: 36H5-004.76 từ nhà trọ ở thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để về nhà Bùi Văn H1 tại thôn S, xã C, huyện C, khi đi T có đem theo 01 (một) gói ma túy loại heroine được gói bằng giấy bạc màu trắng, cất giấu trong áo ngực đang mặc. Khi đang di chuyển đến đoạn đường thuộc TDP N, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa thì bị tổ công tác Công an huyện C dừng xe để kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra, T đã tự nguyện lấy ra trong người 01 (một) gói ma túy được gói bằng giấy bạc màu trắng để giao nộp cho lực lượng Công an. Bị cáo T và H1 khai nhận đem theo số ma túy trên nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bán cho người khác để kiếm lời. Công an huyện C đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong tang vật, thực hiện việc khám xét nơi ở của Phạm Thị T và Bùi Văn H1 theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Phạm Thị T và Bùi Văn H1 khai nhận trong ngày 13/9/2023, đã 02 lần bán ma túy cho người tên T1 "Lẹm" người thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể: Khoảng 12 giờ ngày 13/9/2023, T và H1 đang ở khu nhà trọ tại thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thì T1 gọi điện cho T hỏi mua 01 gói gói ma túy heroine với giá 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), T đồng ý và hẹn giao hàng tại khu vực giáp ranh huyện C và huyện B. T đã đưa gói ma túy cho Bùi Văn H1 đi xe máy đến giao cho T1 và nhận tiền đưa lại cho T. Sau đó khoảng 15 phút sau T1 lại điện cho T hỏi mua tiếp 500.000đ. T đã giao cho H1 một gói ma túy để giao cho T1 và lấy tiền đưa lại cho T.

Ngày 17/09/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện C, đã tiến hành xác minh và triệu tập lấy lời khai đối với Nguyễn Văn T1 (Sinh năm: 1991 HKTT: TDP D, TT. P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa). Quá trình làm việc Nguyễn Văn T1 khai báo vào ngày 13/09/2023 đã mua 02 lần ma túy Heroine của Phạm Thị T và Bùi Văn H1. Lần 1 mua một gói ma túy với giá 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); Lần 2 mua 01 (một) gói ma túy heroine với giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Nguyễn Văn T1 đã sử dụng hết số ma túy trên cho bản thân T1. Cơ quan CSĐT đã xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn T1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Phạm Thị T còn khai báo ngày 12/9/2023, bán ma túy cho một người thanh niên tên T3 (không biết chính xác tên, tuổi, địa chỉ

cụ thể). Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả nên không có căn cứ xử lý.

Ngày 19/9/2023 Phòng K Công an tỉnh T có bản kết luận số 3312/KL-KTHS kết luận: Chất bột trắng ngà dạng cục vụn của phong bì thư, ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,992g (hai phẩy chín chín hai gam) loại: Heroine.

Ngày 21/9/2023 Phòng K Công an tỉnh T có bản kết luận số 3340/KL-KTHS kết luận: 30 (ba mươi) tờ tiền Việt Nam gửi giám định là tiền thật.

Về nguồn gốc ma túy Phạm Thị T khai báo: Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/09/2023, Bùi Văn H1 đi xe máy chở Phạm Thị T đến xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình để tìm mua ma túy. Sau khi đến nơi T và H1 đã tìm đến gặp một người tên thường gọi là “Bố Già”, người dân tộc Mông sống ở xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình và mua của người đó 01 (một) gói ma túy Heroine với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Sau khi mua được ma túy heroine Phạm Thị T và Bùi Văn H1 quay về nhà trọ tại Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, chia nhỏ số ma túy vừa mua được để sử dụng và bán cho người khác.

Ngày 31/10/2023, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh về người có tên “Bố già” mà T và H1 đã mua ma túy vào ngày 09/9/2023. Quá trình xác minh chính quyền địa phương xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình cung cấp thông tin trên địa bàn không có người tên “Bố già” có đặc điểm nêu trên.

Về vật chứng đã thu giữ: Quá trình điều tra, cơ quan đã thu giữ của Phạm Thị T: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA wave alpha, màu trắng, BKS: 3615- 00476; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG và số tiền 7.200.000đ. Thu của Bùi Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu xanh đen. 01 phong bì do Phòng K Công an tỉnh T phát hành được dán kín, niêm phong bên trong có chứa chất ma túy đã qua giám định. Các vật chứng trên đã chuyển đến kho vật chứng của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSCT, ngày 27/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, truy tố bị cáo Phạm Thị T và bị cáo Bùi Văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T và

Bùi Văn H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo **Phạm Thị T** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Bị cáo **Bùi Văn H1** từ 07 năm – 07 năm 06 tháng tù. Về tang vật của vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA wave alpha, màu trắng, BKS: 3615- 00476; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen; 01 điện thoại SAM SUNG thu của **Phạm Thị T** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu xanh đen, thu của **Bùi Văn H1**; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu lời bất chính 2.000.000đ (hai triệu đồng) của **Phạm Thị T**. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền **Phạm Thị T** số tiền 5.000.000đ. Miễn hình phạt bổ sung cho **Bùi Văn H1**. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Tại phiên tòa bị cáo **Phạm Thị T** thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng nêu. Bị cáo trình bày bản thân có sử dụng ma túy nên sau khi chồng bị cáo chết do tai nạn giao thông, bị cáo đã giao con cho bố mẹ chồng nuôi, đến thuê nhà trọ tại **xã Q, huyện N** để đi làm, mua ma túy về sử dụng và bán để chi tiêu cá nhân.

Bị cáo **Bùi Văn H1** cũng thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện C**, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo **Phạm Thị T** và bị cáo **Bùi Văn H1** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 13/9/2023, **Phạm Thị T** và **Bùi Văn H1** đã bán ma túy 02 lần cho **Nguyễn Văn T1** trú tại **tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** thu lời bất chính số tiền 2.000.000đ. Đến khoảng 14 giờ ngày 13/9/2023, **Bùi Văn H1** chở **T** bằng xe máy đang di chuyển trên đường tại **tổ dân phố N, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** để đi bán ma túy thì bị Tổ công tác của **Công an huyện C** kiểm tra hành chính và lập biên bản phạm tội quả tang. Tang vật thu giữ là 2,992g loại Heroin. Hành vi của **Phạm Thị T** và **Bùi**

Văn H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 251 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các nguyên tắc quản lý, sử dụng chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi vẫn cố tình thực hiện. Do đó cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật và cần phải truy thu số tiền thu lời bất chính từ việc bán ma túy.

[4]. Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: **Phạm Thị T** và **Bùi Văn H1** có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, không có tiền án, tiền sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo **Phạm Thị T** và **Bùi Văn H1** đều sử dụng ma túy nên cùng nhau thực hiện hành vi mua bán ma túy về để sử dụng và bán cho người khác để kiếm lời, nên là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên **Phạm Thị T** là người trực tiếp mua bán và quản lý tiền nên phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo **H1**. Bị cáo **Bùi Văn H1** giúp sức tích cực.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo **T** có thu nhập nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 5.000.000đ . Bị cáo **Bùi Văn H1** không có công ăn việc làm, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo **H1**.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì do **Phòng K Công an tỉnh T** phát hành bên trong có 2,692g ma túy còn lại sau giám định.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA wave alpha, màu trắng, BKS: 3615-00476. Số máy: C43E-6327881; Số khung: 4321BY383953 là xe của bị cáo **T** sử dụng làm phương tiện phạm tội, do đó tịch thu sung công quỹ Nhà nước; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh đen của **Phạm Thị T**; 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI, màu xanh đen, thu của **Bùi Văn H1** đều liên quan đến việc mua bán trái phép ma túy nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Số tiền 7.200.000đ thu của bị cáo **Phạm Thị T**, bị cáo trình bày trong số tiền trên có 2.000.000đ bán ma túy cho **T1**, còn lại là tiền từ thu nhập đi làm của bị cáo. Do vậy, cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu lời bất chính 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Số tiền còn lại 5.200.000đ trả lại cho **Phạm Thị T**, tuy nhiên bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nên số tiền trên tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

[8]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Thị T** và bị cáo **Bùi Văn H1** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

Bị cáo **Phạm Thị T** 08 (T4) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2023.

Bị cáo **Bùi Văn H1** 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền **Phạm Thị T** số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì do **Phòng K Công an tỉnh T** phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Nguyễn Trần Đ**, **Lê Minh T5**, **Nguyễn Văn H3** bên trong có chứa chất ma túy đã qua giám định

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA wave alpha, màu trắng, BKS: 36H5- 00476. Số máy: C43E-6327881; Số khung: 4321BY383953 không có gương chiếu hậu phía bên phải

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, thu của **Phạm Thị T** trong 01 phong bì có ký hiệu “Đ1”, do **Công an huyện C** phát hành được dán kín, niêm phong;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh đen trong 01 phong bì do **Công an huyện C** phát hành được dán kín, niêm phong có ký hiệu “Đ”;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu xanh đen, thu của **Bùi Văn H1** trong (một) phong bì có ký hiệu “Đ2”, do **Công an huyện C** phát hành được dán kín, niêm phong.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000đ tiền thu lời bất chính của **Phạm Thị T**.

Trả lại cho **Phạm Thị T** số tiền 5.200.000đ

Tiếp tục quy trừ số tiền 7.200.000đ thu của **Phạm Thị T** để đảm bảo thi hành án (số tiền trên trong 01 phong bì do **Phòng K Công an tỉnh T** phát hành

dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Quốc T6, Lê Thị H4 và các hình dấu của Phòng K Công an tỉnh T).

Các tang vật trên hiện đang được lưu kho tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 02/01/2024.

Về án phí: Bị cáo Phạm Thị T và bị cáo Bùi Văn H1 mỗi người phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- P7 - VSKND Tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị T7